QUỐC HỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nghị quyết số: 225/2025/QH15

NGHỊ QUYẾT
Về việc thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Tòa án nhân dân, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân, các luật tố tụng và luật khác có liên quan

QUỐC HỘI

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 203/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tổ chức Tòa án nhân dân số 81/2025/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 81/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân số 63/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 82/2025/QH15;

Căn cứ Bộ luật Tố tụng hình sự số 101/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 02/2021/QH15, Luật số 34/2024/QH15, Luật số 59/2024/QH15 và Luật số 99/2025/QH15;

Căn cứ Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Tổ chức thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Tòa án nhân dân

Kể từ ngày Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Tòa án nhân dân số 81/2025/QH15 được Quốc hội thông qua đến ngày có hiệu lực thi hành (ngày 01 tháng 7 năm 2025):

1. Chánh án Tòa án nhân dân tối cao có trách nhiệm rà soát, chuẩn bị về tổ chức bộ máy, nhân sự, cơ sở vật chất và các điều kiện cần thiết khác để bảo đảm

hoạt động của Tòa án nhân dân các cấp theo quy định của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Tòa án nhân dân.

2. Căn cứ quy định tại các điều 4, 40, 47 và 60 của Luật Tổ chức Tòa án nhân dân đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 81/2025/QH15 và yêu cầu của thực tiễn xét xử tại mỗi Tòa án, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao đề nghị Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

a) Phê chuẩn đề nghị thành lập các Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao, cục, vụ và tương đương, cơ quan báo chí của Tòa án nhân dân tối cao;

b) Thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định về phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân khu vực;

c) Quy định về phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của một số Tòa án nhân dân cấp tỉnh đối với yêu cầu hủy phán quyết trọng tài, đăng ký phán quyết trọng tài vụ việc;

d) Quy định về phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của một số Tòa án nhân dân khu vực giải quyết vụ việc phá sản; vụ việc dân sự, kinh doanh, thương mại, vụ án hành chính về sở hữu trí tuệ, chuyển giao công nghệ;

đ) Quyết định danh sách Ủy viên Hội đồng tuyển chọn, giám sát Thẩm phán quốc gia;

e) Sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 67/2025/UBTVQH15 ngày 06 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về bậc, điều kiện của từng bậc, việc nâng bậc và số lượng, cơ cấu tỷ lệ các bậc Thẩm phán Tòa án nhân dân.

3. Căn cứ quy định tại các điều 56, 60 và 77 của Luật Tổ chức Tòa án nhân dân đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 81/2025/QH15 và yêu cầu của thực tiễn xét xử tại mỗi Tòa án, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao:

a) Quyết định thành lập các cơ quan, đơn vị quy định tại các điểm b, c và đ khoản 1 Điều 47 của Luật Tổ chức Tòa án nhân dân;

b) Quy định nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy, phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của các Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao; quy định nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của cục, vụ và tương đương, cơ sở đào tạo bồi dưỡng, cơ quan báo chí của Tòa án nhân dân tối cao;

c) Quyết định thành lập các Tòa chuyên trách trong Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực;

d) Quyết định thành lập và quy định nhiệm vụ, quyền hạn của bộ máy giúp việc trong các Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực.

4. Tòa án nhân dân tối cao, Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực sử dụng con dấu có hình Quốc huy. Trường hợp cần thiết, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao quyết định việc sử dụng thêm con dấu như con dấu đã cấp cho Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực và các đơn vị thuộc Tòa án nhân dân tối cao.

Cơ quan sử dụng con dấu có trách nhiệm đăng ký thêm con dấu theo quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng con dấu.

Điều 2. Tổ chức thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân

Kể từ ngày Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân số 82/2025/QH15 được Quốc hội thông qua đến ngày có hiệu lực thi hành (ngày 01 tháng 7 năm 2025):

1. Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao có trách nhiệm rà soát, chuẩn bị về tổ chức bộ máy, cán bộ, cơ sở vật chất và các điều kiện khác để bảo đảm hoạt động của Viện kiểm sát nhân dân các cấp theo quy định của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân.

2. Căn cứ quy định tại các điều 40, 49 và 63 của Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 82/2025/QH15 và yêu cầu thực tiễn công tác tại mỗi Viện kiểm sát, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao đề nghị Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

a) Phê chuẩn bộ máy làm việc của Viện kiểm sát nhân dân tối cao;

b) Thành lập Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh;

c) Thành lập và quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Viện kiểm sát nhân dân khu vực.

3. Căn cứ quy định tại các điều 40, 42, 46 và 48 của Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 82/2025/QH15 và yêu cầu thực tiễn công tác tại mỗi Viện kiểm sát, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao:

a) Quyết định thành lập các Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm; quy định tổ chức bộ máy, nhiệm vụ, quyền hạn của Văn phòng, Cơ quan điều tra, các Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm, các cục, vụ, viện và tương đương, cơ sở đào tạo, bồi dưỡng, cơ quan báo chí và các đơn vị sự nghiệp công lập khác của Viện kiểm sát nhân dân tối cao;

b) Quyết định thành lập và quy định nhiệm vụ, quyền hạn của bộ máy làm việc trong các Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân khu vực.

4. Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân khu vực sử dụng con dấu có hình Quốc huy. Trường hợp cần thiết, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao quyết định việc sử dụng thêm con dấu như con dấu đã cấp cho Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân khu vực và các đơn vị thuộc Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

Cơ quan sử dụng con dấu có trách nhiệm đăng ký thêm con dấu theo quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng con dấu.

Điều 3. Quy định chuyển tiếp thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Tòa án nhân dân, các luật tố tụng và luật khác có liên quan đối với Tòa án nhân dân

Kể từ ngày Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Tòa án nhân dân số 81/2025/QH15, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng hình sự số 99/2025/QH15, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án số 85/2025/QH15 có hiệu lực thi hành (ngày 01 tháng 7 năm 2025):

1. Tòa án nhân dân khu vực có thẩm quyền theo lãnh thổ tiếp nhận nhiệm vụ giải quyết, xét xử vụ án hình sự, hành chính, vụ việc dân sự và các vụ việc khác mà Tòa án nhân dân cấp huyện đang giải quyết; những vụ việc mà bản án, quyết định của Tòa án nhân dân cấp huyện bị hủy để giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

Các Tòa án nhân dân khu vực kế thừa quyền, trách nhiệm của các Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định của pháp luật.

2. Tòa án nhân dân cấp tỉnh thực hiện nhiệm vụ giải quyết đơn, văn bản đề nghị giám đốc thẩm, tái thẩm đối với bản án, quyết định của Tòa án nhân dân cấp

huyện đã có hiệu lực pháp luật; những vụ việc mà bản án, quyết định của Tòa án nhân dân cấp tỉnh bị hủy để giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm, phúc thẩm.

Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh có thẩm quyền kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm đối với bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án nhân dân cấp huyện. Tòa án nhân dân cấp tỉnh giám đốc thẩm, tái thẩm đối với bản án, quyết định của Tòa án nhân dân cấp huyện.

Đối với các vụ án hình sự, hành chính, vụ việc dân sự và các vụ việc khác thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân khu vực mà Tòa án nhân dân cấp tỉnh đang giải quyết trước ngày 01 tháng 7 năm 2025 nhưng chưa giải quyết xong thì xử lý như sau:

a) Trường hợp Tòa án nhân dân cấp tỉnh đã nhận đơn khởi kiện, đơn yêu cầu nhưng chưa thụ lý thì chuyển cho Tòa án nhân dân khu vực có thẩm quyền theo lãnh thổ giải quyết, trừ trường hợp Tòa án đã tiến hành phiên họp ghi nhận kết quả hòa giải, đối thoại tại Tòa án và có yêu cầu công nhận kết quả hòa giải, đối thoại thành thì Tòa án nhân dân cấp tỉnh tiếp tục xem xét, ra quyết định;

b) Trường hợp Tòa án nhân dân cấp tỉnh đã thụ lý theo thủ tục sơ thẩm trước ngày 01 tháng 7 năm 2025 nhưng chưa giải quyết xong thì Tòa án nhân dân cấp tỉnh tiếp tục giải quyết.

Các Tòa án nhân dân cấp tỉnh sau sắp xếp kế thừa quyền, trách nhiệm của các Tòa án nhân dân cấp tỉnh được sắp xếp theo quy định của pháp luật.

3. Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao có thẩm quyền theo lãnh thổ tiếp nhận nhiệm vụ sau đây:

a) Giải quyết, xét xử theo thủ tục phúc thẩm vụ án hình sự, hành chính, vụ việc dân sự mà Tòa án nhân dân cấp cao đang giải quyết; những vụ việc mà bản án, quyết định của Tòa án nhân dân cấp cao bị hủy để giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm;

b) Phúc thẩm vụ án hình sự, hành chính, vụ việc dân sự đã được Tòa án nhân dân cấp tỉnh giải quyết theo thủ tục sơ thẩm mà có kháng cáo, kháng nghị;

c) Giải quyết đề nghị xem xét lại, kháng nghị quyết định mở hoặc không mở thủ tục phá sản; đơn đề nghị, kháng nghị quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp cao;

d) Giải quyết các vụ việc khác thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp cao.

4. Chánh tòa Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao kiến nghị Chánh án Tòa án nhân dân tối cao xem xét, kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm đối với bản án, quyết định của Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân cấp tỉnh đã có hiệu lực pháp luật theo quy định của luật.

5. Tòa án nhân dân tối cao tiếp nhận nhiệm vụ giám đốc thẩm, tái thẩm đối với bản án, quyết định của Tòa án nhân dân cấp tỉnh đã có hiệu lực pháp luật thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp cao.

Chánh án Tòa án nhân dân tối cao có thẩm quyền kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm đối với bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật về vụ án hành chính, vụ việc dân sự và các vụ việc khác của Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân cấp cao, Tòa án nhân dân cấp huyện; kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm đối với bản án, quyết định hình sự đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án nhân dân cấp cao, Tòa án nhân dân cấp huyện.

Tòa án nhân dân tối cao giám đốc thẩm, tái thẩm đối với bản án, quyết định của Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao đã có hiệu lực pháp luật về vụ án hành chính, vụ việc dân sự và các vụ việc khác; đối với bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án nhân dân cấp cao.

Tòa án nhân dân tối cao kế thừa quyền, trách nhiệm của các Tòa án nhân dân cấp cao theo quy định của pháp luật.

6. Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao được tổ chức theo quy định của Luật Tổ chức Tòa án nhân dân số 34/2024/QH15 tiếp tục thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn đến khi có số lượng thành viên Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao theo quy định tại khoản 5 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Tòa án nhân dân số 81/2025/QH15.

7. Hội thẩm nhân dân được bầu để thực hiện nhiệm vụ xét xử tại Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định của Luật Tổ chức Tòa án nhân dân số 34/2024/QH15 tiếp tục thực hiện nhiệm vụ xét xử tại Tòa án nhân dân khu vực.

Hội thẩm nhân dân được bầu để thực hiện nhiệm vụ xét xử tại Tòa án nhân dân cấp tỉnh tiếp tục thực hiện nhiệm vụ xét xử cho đến khi Hội đồng nhân dân cấp tỉnh bầu Hội thẩm nhân dân nhiệm kỳ mới. Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh quyết định số lượng, danh sách Hội thẩm nhân dân cấp tỉnh thực hiện nhiệm vụ xét xử tại Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực.

8. Thỏa thuận lựa chọn Tòa án có thẩm quyền đối với hoạt động trọng tài quy định tại khoản 1 Điều 7 của Luật Trọng tài thương mại trước ngày 01 tháng 7 năm 2025 thì Tòa án được lựa chọn hoặc Tòa án kế thừa quyền, trách nhiệm của Tòa án được lựa chọn có thẩm quyền giải quyết.

9. Tòa án nhân dân tối cao là cơ quan giải quyết bồi thường theo quy định của Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước trong các trường hợp sau đây:

a) Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hủy quyết định giám đốc thẩm, tái thẩm của Tòa án nhân dân cấp cao mà quyết định bị hủy đã xác định bị cáo có tội và đình chỉ vụ án vì không có sự việc phạm tội hoặc hành vi không cấu thành tội phạm;

b) Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hủy quyết định giám đốc thẩm, tái thẩm của Tòa án nhân dân cấp cao mà quyết định bị hủy đã xác định bị cáo có tội để điều tra lại nhưng sau đó bị can được đình chỉ điều tra, đình chỉ vụ án vì không có sự việc phạm tội hoặc hành vi không cấu thành tội phạm hoặc đã hết thời hạn điều tra vụ án mà không chứng minh được bị can đã thực hiện tội phạm;

c) Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hủy quyết định giám đốc thẩm, tái thẩm của Tòa án nhân dân cấp cao mà quyết định bị hủy đã xác định bị cáo có tội để xét xử lại nhưng sau đó bị cáo được tuyên không có tội vì không có sự việc phạm tội hoặc hành vi không cấu thành tội phạm.

10. Cơ quan thi hành án dân sự cấp tỉnh có thẩm quyền thi hành bản án, quyết định của Tòa án nhân dân quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và tương đương; bản án, quyết định của Tòa án nhân dân cấp cao.

11. Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn việc thực hiện quy định tại Điều này và các nội dung khác để triển khai thi hành Luật.

Điều 4. Quy định chuyển tiếp thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân, các luật về tố tụng và luật khác có liên quan đối với Viện kiểm sát nhân dân

Kể từ ngày Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân số 82/2025/QH15, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng hình sự số 99/2025/QH15, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án số 85/2025/QH15 có hiệu lực thi hành (ngày 01 tháng 7 năm 2025):

1. Viện kiểm sát nhân dân khu vực có thẩm quyền theo lãnh thổ tiếp nhận nhiệm vụ giải quyết vụ án hành chính, vụ việc, vụ án hình sự, vụ việc dân sự và các vụ việc khác mà Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện đang giải quyết; những vụ việc, vụ án mà bản án, quyết định của Tòa án nhân dân cấp huyện bị hủy để giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

Các Viện kiểm sát nhân dân khu vực kế thừa quyền, trách nhiệm của các Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện theo quy định của pháp luật.

2. Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh thực hiện nhiệm vụ giải quyết đơn, văn bản đề nghị kháng nghị giám đốc thẩm, tái thẩm và thực hành quyền công tố, kiểm sát việc giải quyết theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm đối với bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án nhân dân cấp huyện mà trước ngày 01 tháng 7 năm 2025 thuộc thẩm quyền của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao; thực hành quyền công tố, kiểm sát việc giải quyết các vụ án, vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp tỉnh quy định tại khoản 2 Điều 3 của Nghị quyết này.

Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh có thẩm quyền kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm đối với bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án nhân dân cấp huyện.

Đối với các vụ án hành chính, vụ việc, vụ án hình sự, vụ việc dân sự và các vụ việc khác thuộc thẩm quyền của Viện kiểm sát nhân dân khu vực mà Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh đã thụ lý trước ngày 01 tháng 7 năm 2025 nhưng chưa giải quyết xong thì Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh tiếp tục giải quyết.

Các Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh sau sắp xếp kế thừa quyền, trách nhiệm của các Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh được sắp xếp theo quy định của pháp luật.

3. Viện kiểm sát nhân dân tối cao tiếp nhận nhiệm vụ giải quyết đơn, văn bản đề nghị kháng nghị giám đốc thẩm, tái thẩm đối với bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án nhân dân cấp tỉnh mà trước ngày 01 tháng 7 năm 2025 thuộc thẩm quyền của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao; thực hành quyền công tố, kiểm sát việc giải quyết vụ án, vụ việc thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân tối cao quy định tại khoản 3 và khoản 5 Điều 3 của Nghị quyết này.

Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao có thẩm quyền kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm đối với bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp

luật về vụ án hình sự, vụ án hành chính, vụ việc dân sự và các vụ việc khác của Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân cấp cao, Tòa án nhân dân cấp huyện.

Viện kiểm sát nhân dân tối cao kế thừa quyền, trách nhiệm của các Viện kiểm sát nhân dân cấp cao theo quy định của pháp luật.

4. Nhiệm kỳ của Kiểm sát viên đã được bổ nhiệm theo quy định của Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân số 63/2014/QH13 thực hiện như sau:

a) Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tối cao đã được bổ nhiệm theo quy định của Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân số 63/2014/QH13 thì nhiệm kỳ được thực hiện theo quy định của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân số 82/2025/QH15;

b) Kiểm sát viên cao cấp, Kiểm sát viên trung cấp, Kiểm sát viên sơ cấp đã được bổ nhiệm lần đầu theo quy định của Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân số 63/2014/QH13 thì tiếp tục thực hiện nhiệm vụ cho đến hết nhiệm kỳ đã được bổ nhiệm; việc bổ nhiệm lại và nhiệm kỳ khi được bổ nhiệm lại thực hiện theo quy định của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân số 82/2025/QH15;

c) Kiểm sát viên cao cấp, Kiểm sát viên trung cấp, Kiểm sát viên sơ cấp đã được bổ nhiệm lại hoặc bổ nhiệm vào ngạch cao hơn theo quy định của Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân số 63/2014/QH13 thì nhiệm kỳ được tính đến khi nghỉ hưu hoặc chuyển công tác khác.

5. Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao hướng dẫn thực hiện quy định tại Điều này và các nội dung khác để triển khai thi hành Luật.

Điều 5. Quy định chuyển tiếp thi hành một số nội dung của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng hình sự

Kể từ ngày Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng hình sự số 99/2025/QH15 có hiệu lực thi hành:

1. Đối với những vụ án do Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án đã thụ lý, giải quyết trước ngày 01 tháng 7 năm 2025 nhưng đến ngày 01 tháng 7 năm 2025 chưa kết thúc thì được thực hiện các quy định mới về điều tra, truy tố, xét xử vắng mặt,

quy định về số hóa hồ sơ, chữ ký số, thông báo qua nền tảng số và các quy định khác của Bộ luật Tố tụng hình sự đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 99/2025/QH15, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp người bị kết án tử hình có đơn xin ân giảm gửi Chủ tịch nước trước ngày 01 tháng 7 năm 2025 mà chưa có quyết định bác đơn xin ân giảm của Chủ tịch nước thì áp dụng quy định tại Điều 367 của Bộ luật Tố tụng hình sự đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 99/2025/QH15 và thời điểm tính thời hạn để Chủ tịch nước xem xét quyết định ân giảm được xác định như sau:

a) Nếu Chánh án Tòa án nhân dân tối cao và Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao đã có ý kiến trình Chủ tịch nước thì thời hạn để Chủ tịch nước xem xét quyết định ân giảm được tính kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025;

b) Nếu Chánh án Tòa án nhân dân tối cao và Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao chưa có ý kiến trình Chủ tịch nước thì thời hạn để Chủ tịch nước xem xét quyết định ân giảm được tính kể từ khi có ý kiến trình của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao và Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

Điều 6. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

2. Kết thúc hoạt động của Tòa án nhân dân cấp cao, Viện kiểm sát nhân dân cấp cao, Tòa án nhân dân cấp huyện, Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

3. Chủ tịch nước, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 27 tháng 6 năm 2025./.

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI

Trần Thanh Mẫn